TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST Ngày 14-3-2025 V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Huỳnh Trong T2 có quen biết tìm hiểu một thời gian và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An ngày 16/6/2011. Sau khi cưới vợ chồng làm ăn, sinh sống tại ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2013 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vả nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2013 cho đến nay. Bà T về nhà cha mẹ ruột tại khu phố B, thị trấn V, huyện V sống đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hông nhân với ông T2 được nữa nên bà T đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Trong quá trình chung sống bà T và ông T2 có 01 con chung tên Huỳnh Đăng K (nam) sinh ngày 18/6/2011 hiện nay đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung Huỳnh Đăng K. Không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con do bà T cho rằng bản thân có công việc và thu nhập thường xuyên, ổn định, đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn T1 trình bày:

Ông T1 thống nhất toàn bộ theo lời trình bày của bà T. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T đã mang theo con chung về nhà cha mẹ ruột sống hơn 10 năm. Thời gian này, thỉnh thoảng ông T1 cũng có tới lui thăm con nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Vì thương con nên cả hai đã cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T1 đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông T1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Huỳnh Đăng K (nam) sinh ngày 18/6/2011 vì cho rằng điều kiện nuôi con của ông T1 tốt hơn bà T, ông T1 là tài xế nên thu nhập bình quân một tháng trên 10.000.000 đồng và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng hiện tại như bà T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không sống chung khoảng 13 năm, khả năng hàn gắn rất khó. Hiện tại bà T và con trai sống chung gia đình ba mẹ bà T. Về điều kiện nuôi con, bà T có công việc và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con, ngoài ra bên gia đình cha mẹ bà T cũng có hỗ trợ bà T nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 16/6/2011 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà T đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho bà T và ông T1 hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà T và ông T1 đã đồng ý ly hôn. Ngoài ra à Trong và ông T1 đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ Điều 19, 51, 56 xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T.

Về con chung: Bà T và ông T1 đều có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy con chung Huỳnh Đăng K, sinh năm 2011 đang sống với bà T và có nguyện vọng được sống với mẹ nên để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, đề nghị giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông T1 trình bày không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông T1 trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện V, tỉnh Long Anvào ngày 16/6/2011 nên là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T3 giữa bà và ông T1 mặc dù kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà T đã về nhà cha mẹ

ruột sinh sống cách nay hơn 10 năm và vợ chồng cũng ly thân từ thời điểm đó đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm nên khả năng hàn gắn không còn. Ông T1 cũng thừa nhận tình trạng hiện tại của vơ chồng như bà T trình bày. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng sau khi thụ lý vụ án cũng đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà T cương quyết ly hôn và ông T1 cũng đã đồng ý ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung Huỳnh Đăng K, sinh ngày 18/6/2011 hiện đang sống cùng bà T và đang học lớp 8 Trường Trung học cơ sở thị trấn V. Bà T và ông T1 đều có yêu cầu được nuôi con khi ly hôn. Nhận thấy, con chung Huỳnh Đăng K đã sống cùng bà T hơn 10 năm và tại bản tự khai ngày 20/02/2025 em có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên để đảm bảo môi trường sống ổn định và phù hợp nguyện vọng con chung trên 7 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà T cho rằng có công việc và thu nhập đảm bảo cho cuộc sống của bà T và con chung, bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 xác định vợ chồng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Huỳnh Tấn T1.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T1.

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Huỳnh Đăng K (nam), sinh ngày 18/6/2011 cho bà Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà T).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002176 ngày 02/12/2024 sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn VH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh